TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Những nhân vật tiêu biểu trong quá trình hình thành Tổng hội Phật giáo Việt Nam

ISSN: 2734-9195 14:35 03/01/2025

Quá trình hình thành Tổng Hội Phật giáo Việt Nam năm 1951 đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, khi Phật giáo chính thức có một tổ chức đại diện thống nhất trên toàn quốc.

Bối cảnh lịch sử - xã hội và thực trạng Phật giáo Việt Nam đầu thế kỷ 20

Trong nửa đầu thế kỷ 20, Phật giáo Việt Nam trải qua giai đoạn đầy biến động do ảnh hưởng từ chế độ thực dân Pháp, dấy lên các phong trào cách mạng quốc gia và sự thay đổi lớn trong nền văn hóa. Bối cảnh chính trị phức tạp, thực dân Pháp đô hộ và đàn áp, sự phát triển của các phong trào tôn giáo khác, tạo nên áp lực lớn đối với Phật giáo – một tôn giáo có truyền thống lâu đời tại Việt Nam.

Trong thời kỳ này, sự phổ biến của các tổ chức tôn giáo ngoại quốc cùng các chính sách hạn chế về văn hóa và giáo dục Phật giáo đã làm dấy lên nhu cầu khẩn thiết về một tổ chức đại diện chung cho Phật giáo, có khả năng thống nhất các tư tưởng và bảo vệ quyền lợi của cộng đồng Phật tử Việt Nam. (Nguyễn & Phạm, 2004).



Hình ảnh mang tính minh họa (nguồn: Internet)

Đầu thế kỷ 20, Việt Nam bước vào giai đoạn quan trọng với nhiều biến động lớn về mặt lịch sử và xã hội. Đây là thời kỳ thực dân Pháp đã hoàn tất quá trình đô hộ, chia Việt Nam thành ba xứ Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ với hệ thống hành chính riêng biệt nhằm kiểm soát hiệu quả từng khu vực.

Chính quyền thực dân tiến hành các chính sách kinh tế, văn hóa và tôn giáo nhằm củng cố quyền lực, từ đó định hình xã hội Việt Nam một cách toàn diện (Woodside, 1971). Việc áp dụng mô hình giáo dục và hệ thống tư pháp theo kiểu phương Tây đã gây ra nhiều thay đổi trong cấu trúc xã hội. Theo Marr (1981), chính quyền thực dân không chỉ cố gắng khai thác tài nguyên thiên nhiên mà còn tìm cách "cải tạo" văn hóa, giáo dục của người Việt nhằm thực hiện chính sách đồng hóa.

Các trường học kiểu Pháp được mở ra nhằm đào tạo một tầng lớp trí thức theo tư tưởng Pháp, gây ảnh hưởng đến giá trị truyền thống, đặc biệt là đối với các thế hệ trẻ.

Cuộc đối đầu giữa các giá trị phương Tây và truyền thống dẫn đến sự hình thành một số phong trào văn hóa và chính trị với mục tiêu tìm kiếm độc lập, tái khẳng định bản sắc dân tộc.

Như mô tả của Brocheux và Hémery (2009), *“Xã hội Việt Nam cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 vừa chịu sự áp bức của thực dân, vừa là thời kỳ nhen nhóm những ý thức về bản sắc dân tộc”.* Các phong trào như Duy Tân (1904-1908) do Phan Châu Trinh và các lãnh tụ khác khởi xướng đã có vai trò quan trọng trong việc khuyến khích người dân học hỏi tinh hoa văn hóa phương Tây nhưng vẫn giữ vững tinh thần độc lập dân tộc (Đoàn, 2015).

Đầu thế kỷ 20, Phật giáo Việt Nam gặp phải nhiều thách thức từ chính quyền thực dân Pháp và sự thay đổi trong xã hội. Theo các nhà nghiên cứu, hệ thống tự viện (chùa chiền) phần lớn chịu ảnh hưởng của các quy định khắt khe từ chính quyền Pháp, nhằm hạn chế vai trò của tôn giáo trong đời sống chính trị và văn hóa Việt Nam (Cadière, 1904).

Chính sách tôn giáo của thực dân Pháp còn tạo ra sự đối đầu tôn giáo trong xã hội, khi Công giáo được ưu ái hơn so với các tôn giáo truyền thống như Phật giáo và Đạo giáo.

Theo nghiên cứu của Marr (1981), sự can thiệp của Pháp vào các tổ chức tôn giáo nhằm mục đích duy trì sự kiểm soát xã hội, đồng thời hạn chế vai trò chính trị của Phật giáo trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.



Hình ảnh minh họa (nguồn: Internet).

Trong bối cảnh đó, Phật giáo không chỉ đối mặt với áp lực từ bên ngoài, mà còn phải giải quyết những vấn đề nội tại, vốn đã tồn tại từ trước khi Pháp đến. Một trong những vấn đề nghiêm trọng mà Phật giáo Việt Nam phải đối mặt đầu thế kỷ 20 là tình trạng thiếu hụt tài chính. Hệ thống tự viện (chùa chiền) phụ thuộc rất nhiều vào sự đóng góp tự nguyện của phật tử để duy trì hoạt động. Tuy nhiên, trong bối cảnh xã hội và chính trị biến động, nguồn lực tài chính dành cho Phật giáo ngày càng khan hiếm, gây ảnh hưởng đến các hoạt động tu học, duy trì phật sự và từ thiện xã hội. Trước khi Pháp đô hộ, các chùa thường nhận được hỗ trợ tài chính ổn định từ người dân và triều đình, thông qua việc hiến cúng đất đai, tài sản, và các hình thức quyên góp khác. Tuy nhiên, dưới chế độ thực dân, các nguồn thu này bị hạn chế do chính sách kiểm soát chặt chẽ của chính quyền Pháp đối với tôn giáo (Marr, 1981).

Chính quyền thực dân không khuyến khích, đôi khi còn cản trở các hoạt động từ thiện và quyên góp của Phật giáo, dẫn đến sự giảm sút trong việc hiến cúng và tài trợ từ Phật tử. Nhiều ngôi chùa không có nguồn thu ổn định và phải đối mặt với tình trạng xuống cấp nghiêm trọng. Theo Nguyễn Lang (1992), nhiều chùa tại các vùng nông thôn và miền núi bị hư hỏng do thiếu kinh phí để sửa chữa và tôn tạo. Những ngôi chùa lớn hơn ở các thành phố lớn như Hà Nội, Huế, và Sài Gòn cũng gặp khó khăn trong việc bảo trì và tổ chức các hoạt động tôn giáo. Một số chùa buộc phải chuyển sang các hoạt động kinh tế tự cung tự cấp, như canh tác đất đai và sản xuất hàng thủ công, nhưng vẫn không đủ để đáp ứng nhu cầu tài chính.

Chính quyền thực dân Pháp áp dụng nhiều biện pháp nhằm kiểm soát hoạt động tôn giáo, trong đó có Phật giáo. Theo Cadière (1904), chính quyền đã ban hành các điều luật nhằm giới hạn việc mở rộng tự viện và quy định chặt chẽ việc tổ chức các nghi lễ Phật giáo. Những quy định này khiến cho nhiều ngôi chùa không thể mở rộng hoạt động, nhiều ngôi chùa phải đối mặt với tình trạng xuống cấp do không được duy tu, sửa chữa. Ngoài ra, chính quyền thực dân còn ủng hộ và tạo điều kiện cho các tôn giáo khác như Công giáo để thay thế vai trò truyền thống của Phật giáo trong xã hội Việt Nam (Li, 1998). Theo Nguyễn Lang (1992), sự thiên vị Công giáo của chính quyền thực dân là nguyên nhân lớn khiến Phật giáo dần suy yếu trong vai trò là tôn giáo chủ đạo. Nhiều tự viện phải tìm cách duy trì hoạt động thông qua sự đóng góp của Phật tử hoặc thông qua các hoạt động từ thiện.

Từ những năm 1913 cho đến 1945, chính quyền Pháp ban hành các nghị định nhằm quản lý chặt chẽ các hoạt động của tôn giáo Phật giáo. Các văn bản mang tính quản lý nhà nước để quản lý, kiểm soát tôn giáo Phật giáo:

Nghị định ngày 21 tháng 5 năm 1913 của Toàn quyền Đông Dương	**Nội dung:** Nghị định này quy định các tổ chức tôn giáo tại Đông Dương, trong đó có Phật giáo, phải đăng ký hoạt động với chính quyền Pháp. Bất kỳ hoạt động nào của tổ chức tôn giáo cũng phải được sự chấp thuận từ phía chính quyền (Cadière, 1904)
Sắc lệnh ngày 5 tháng 4 năm 1914	**Nội dung:** Chính quyền Pháp ban hành sắc lệnh yêu cầu các tổ chức tôn giáo cung cấp thông tin về các hoạt động và tài chính của họ, nhằm kiểm soát và giám sát chặt chẽ các hoạt động tôn giáo tại Đông Dương (Nguyễn Lang, 1992)
Nghị định ngày 27 tháng 11 năm 1925	**Nội dung:** Chính quyền thực dân Pháp quy định rằng tất cả các cuộc họp tôn giáo phải được báo cáo và phê chuẩn trước. Điều này bao gồm cả các hội thảo và cuộc họp tôn giáo lớn, nhằm kiểm soát các hoạt động hội họp trong cộng đồng Phật giáo (Nguyễn Lang, 1992)
Sắc lệnh ngày 9 tháng 8 năm 1926	**Nội dung:** Sắc lệnh quy định rằng tất cả các cơ sở tôn giáo, bao gồm chùa chiền, phải báo cáo với chính quyền thực dân trước khi tiến hành các hoạt động lớn. Điều này đặt ra các hạn chế về quyền tự do hoạt động của các tổ chức tôn giáo như Phật giáo (Marr, 1981)
Nghị định ngày 16 tháng 2 năm 1932	**Nội dung:** Chính quyền Pháp ban hành nghị định về việc giám sát các hội đoàn tôn giáo tại Việt Nam, bao gồm Hội An Nam Phật học. Chính quyền yêu cầu các tổ chức này phải báo cáo đầy đủ về hoạt động và thành viên của mình (Nguyễn & Phạm, 2004)

Sắc lệnh ngày 14 tháng 7 năm 1934	**Nội dung:** Chính quyền Pháp yêu cầu các tổ chức tôn giáo phải thông báo trước mọi kế hoạch xây dựng chùa chiền hoặc cơ sở tôn giáo mới. Sắc lệnh này nhằm kiểm soát sự phát triển của các cơ sở tôn giáo và hạn chế sự mở rộng của Phật giáo (Nguyễn & Phạm, 2004)
Nghị định ngày 3 tháng 9 năm 1938	**Nội dung:** Chính quyền Pháp ban hành nghị định yêu cầu tất cả các tổ chức tôn giáo phải đăng ký tài sản và cung cấp thông tin chi tiết về nguồn tài chính. Điều này nhằm kiểm soát quyền sở hữu đất đai và tài sản của các chùa chiền Phật giáo (Cadière, 1904)
Sắc lệnh ngày 22 tháng 10 năm 1940	**Nội dung:** Chính quyền thực dân ban hành sắc lệnh quy định rằng mọi hoạt động tụ tập đông người liên quan đến tôn giáo, bao gồm các lễ hội Phật giáo lớn, phải có sự chấp thuận của chính quyền trước (Brocheux & Hémery (2009)
Nghị định ngày 8 tháng 5 năm 1945	**Nội dung:** Nghị định này quy định rằng các tổ chức tôn giáo phải báo cáo trực tiếp với chính quyền địa phương về các hoạt động và quy mô của họ, đồng thời chính quyền có quyền hạn chế các hoạt động này nếu cần thiết (Nguyễn Lang.1992)

Suy thoái trong nội bộ Phật giáo và nhu cầu thống nhất tất yếu

Không chỉ bị ảnh hưởng bởi chính quyền, Phật giáo Việt Nam cũng đối diện với những suy thoái từ nội bộ. Theo Woodside (1971), hệ thống tự viện thiếu sự đoàn kết, bị phân hóa và thiếu sức mạnh để cùng nhau chống lại các tác động từ bên ngoài. Phật giáo tại Việt Nam lúc bấy giờ bị chia rẽ thành nhiều hệ phái khác nhau như Bắc Tông, Nam Tông, gây nên tình trạng cát cứ giữa các nhóm Phật giáo. Một phần lý do dẫn đến tình trạng này là vì giáo lý và triết lý của Phật giáo truyền thống dần mất đi tính ứng dụng thực tiễn trong bối cảnh xã hội đang thay đổi. Bên cạnh đó, nhiều ngôi chùa phải chịu ảnh hưởng từ các hủ tục cũ, thiếu các hoạt động và cách tiếp cận mới để thu hút giới trẻ và trí thức, làm giảm sức hút của Phật giáo đối với cộng đồng (Nguyễn & Phạm, 2004).

Trước thực trạng này, nhiều nhà lãnh đạo Phật giáo và trí thức Phật tử nhận ra nhu cầu cải cách và thống nhất Phật giáo để đáp ứng yêu cầu của thời đại. Theo một số tài liệu tiếng Pháp như của Cadière (1904), các hội đoàn Phật giáo tại miền Trung như Hội An Nam Phật học (1932) và Hội Phật học Nam Kỳ (1938) bắt đầu thành lập với mục tiêu cải thiện tình hình Phật giáo và giúp cộng đồng Phật tử kết nối với nhau. Hội An Nam Phật học tại Huế do các trí thức và tu sĩ Phật giáo thành lập được xem là điểm sáng trong phong trào cải cách này. Hội không chỉ khuyến khích các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu về Phật giáo mà còn tạo điều kiện cho việc mở rộng các lớp học dành cho cư sỹ, góp phần quan trọng vào việc duy trì và phát triển Phật giáo trong xã hội đương thời (Brocheux & Hémery, 2009).

Các phong trào cải cách Phật giáo vào đầu thế kỷ 20 mang tính chiến lược, không chỉ nhằm củng cố tôn giáo mà còn đáp ứng nhu cầu xã hội trong việc bảo vệ bản sắc dân tộc. Đặc biệt, phong trào cải cách Phật giáo của Hội An Nam

Phật học đã giúp khôi phục lại sự quan tâm của cộng đồng đối với tôn giáo truyền thống này, đồng thời hình thành nền tảng vững chắc cho phong trào thống nhất Phật giáo Việt Nam sau này. Bối cảnh lịch sử và thực trạng xã hội Việt Nam đầu thế kỷ 20 đã ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình Phật giáo. Phật giáo lúc này không chỉ đối mặt với các hạn chế từ chính quyền thực dân mà còn suy yếu từ bên trong. Tuy nhiên, nhu cầu cải cách và thống nhất đã trở thành động lực mạnh mẽ, giúp Phật giáo từng bước vượt qua khó khăn, định hình lại vai trò của mình trong xã hội. Những nỗ lực của các hội đoàn Phật giáo vào đầu thế kỷ 20 là cơ sở quan trọng cho phong trào thống nhất Phật giáo vào những năm tiếp theo, từ đó củng cố vị thế của Phật giáo như một phần không thể thiếu của đời sống và văn hóa Việt Nam.

Một tổ chức đại diện duy nhất cho Phật giáo Việt Nam



(Ảnh: Internet)

Vào đầu thập niên 1950-1954, Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi lớn về mặt chính trị và xã hội. Sự phân chia đất nước thành hai miền Bắc và Nam sau Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 đã tạo nên tình hình chính trị căng thẳng, đồng thời làm gia tăng mâu thuẫn tôn giáo và sắc tộc (Marr, 1981).

Trong bối cảnh này, các cộng đồng tôn giáo, đặc biệt là Phật giáo – vốn là tôn giáo truyền thống lớn nhất tại Việt Nam – đứng trước nhu cầu phải định vị và bảo vệ bản sắc, cũng như quyền lợi của mình trước những tác động từ cả các chính sách chính trị mới lẫn các luồng tư tưởng ngoại lai (Nguyễn Lang, 1992).

Theo Woodside (1971), những thay đổi xã hội và chính trị lớn này đặt ra thách thức đáng kể cho Phật giáo Việt Nam, khi sự xuất hiện của nhiều tổ chức tôn giáo ngoại lai, đặc biệt là Công giáo với sự ủng hộ của chính quyền miền Nam Việt Nam, đã đe dọa đến vị thế của Phật giáo trong cộng đồng. Nhiều trí thức và lãnh đạo Phật giáo nhận ra rằng, để bảo vệ quyền lợi và giá trị tôn giáo của mình, Phật giáo cần một tổ chức đại diện duy nhất, có khả năng điều phối và đứng lên bảo vệ cộng đồng phật tử trước những biến động xã hội và chính trị.

Trước năm 1951, Phật giáo Việt Nam không có một tổ chức đại diện chung cho toàn bộ các hệ phái và hội đoàn trên cả ba miền Bắc, Trung và Nam. Thay vào đó, các tổ chức Phật giáo tồn tại một cách độc lập, phân tán thành nhiều hội đoàn khác nhau như Hội An Nam Phật học ở miền Trung, Hội Phật học Nam Kỳ tại miền Nam và một số hội đoàn tại miền Bắc (Nguyễn & Phạm, 2004). Sự phân tán này khiến Phật giáo trở nên yếu thế trước các thách thức từ chính quyền và từ các tổ chức tôn giáo khác. Lý giải nguyên nhân của sự phân tán này, Cadière (1904) nhận định rằng Phật giáo Việt Nam không có cơ sở tổ chức chặt chẽ và chịu nhiều ảnh hưởng từ sự phân chia vùng miền, hệ phái và truyền thống khác nhau. Điều này gây khó khăn cho các tổ chức Phật giáo khi phải đối mặt với những thay đổi xã hội nhanh chóng và cần thiết phải có một tiếng nói chung để bảo vệ quyền lợi của cộng đồng phật tử. Marr (1981) cho rằng sự phân tán này còn tạo ra tình trạng cát cứ giữa các nhóm Phật giáo, dẫn đến thiếu sự phối hợp trong các hoạt động tôn giáo và xã hội, từ đó giảm thiểu đáng kể sức mạnh của Phật giáo.

Với tình trạng chính trị và xã hội nhiều biến động, Phật giáo Việt Nam đứng trước nguy cơ suy thoái nếu không có một tổ chức đại diện để bảo vệ quyền lợi. Theo Brocheux và Hémery (2009), một số chính sách của chính quyền miền Nam, dưới sự ảnh hưởng của phương Tây và Công giáo, được cho là làm suy yếu vai trò của Phật giáo trong xã hội. Điều này thúc đẩy các lãnh đạo Phật giáo, cả từ tu sỹ lẫn cư sỹ, nhận thấy nhu cầu cấp thiết phải xây dựng một tổ chức thống nhất để bảo vệ quyền lợi và giá trị của Phật giáo trước sức ép xã hội. Nguyễn Lang (1992) cho rằng việc thành lập một tổ chức Phật giáo duy nhất không chỉ nhằm duy trì sự tồn tại của Phật giáo mà còn để bảo vệ giá trị văn hóa dân tộc, vì Phật giáo Việt Nam gắn liền với bản sắc văn hóa và truyền thống dân tộc. Trong bối cảnh đất nước chịu ảnh hưởng lớn từ các yếu tố ngoại lai, việc gìn giữ và bảo vệ các giá trị cốt lõi của Phật giáo chính là bảo vệ văn hóa Việt Nam.



(Ảnh: Internet)

Năm 1951, Hội nghị Phật giáo toàn quốc được tổ chức tại Huế với sự tham gia của các lãnh đạo Phật giáo từ ba miền. Thành tựu từ đồng thuận, Tổng Hội Phật giáo Việt Nam được thành lập, tổ chức đại diện đầu tiên và duy nhất cho Phật giáo Việt Nam.

Theo Phạm (2007), sự ra đời của Tổng Hội Phật giáo Việt Nam không chỉ là bước tiến trong tổ chức mà còn là bước đi chiến lược nhằm tạo dựng một cơ quan có khả năng đại diện cho Phật giáo Việt Nam, bảo vệ quyền lợi, đứng lên đối mặt với các thách thức chính trị, xã hội.

Tổng Hội Phật giáo Việt Nam được thành lập với mục tiêu đoàn kết các tổ chức Phật giáo ba miền, bảo vệ quyền lợi của Phật tử và thúc đẩy các hoạt động giáo dục, từ thiện. Các đại diện tham dự Hội nghị đã đồng thuận việc xây dựng một tổ chức chung để điều phối các hoạt động Phật giáo trên cả nước, tránh sự phân tán và mất đi tính thống nhất (Nguyễn & Phạm, 2004). Lê Đình Thám, một trong những người sáng lập Tổng Hội, đã nhấn mạnh rằng tổ chức này không chỉ bảo vệ Phật giáo trước những thách thức hiện tại mà còn góp phần bảo tồn giá trị văn hóa dân tộc.

Sự thành lập của Tổng Hội Phật giáo Việt Nam vào năm 1951 là kết quả của một quá trình nhận thức sâu sắc về nhu cầu bảo vệ quyền lợi và giá trị tôn giáo trước bối cảnh xã hội và chính trị nhiều biến động. Phật giáo Việt Nam nhận thấy sự cần thiết của một tổ chức đại diện duy nhất để đoàn kết và phát triển Phật giáo trong giai đoạn khó khăn. Với sự ra đời của Tổng Hội Phật giáo Việt Nam, Phật giáo đã có một cơ quan đại diện mạnh mẽ, từ đó tạo dựng nền tảng cho sự phát triển bền vững trong suốt những thập kỷ sau.

Các nhân vật tiêu biểu tham gia quá trình hình thành Tổng hội PGVN

Những tu sỹ tiêu biểu:

1. Hòa thượng Thích Tịnh Khiết (1890-1973): Một trong những vị lãnh đạo hàng đầu của phong trào Phật giáo thống nhất. Với uy tín cao trong cộng đồng Phật tử, ngài là người tiên phong trong việc thúc đẩy thành lập Tổng Hội, cùng các đại biểu trong cả nước tham gia vào việc soạn thảo các quy định và chính sách cho tổ chức mới. HT.Thích Tịnh Khiết là biểu tượng cho lòng kiên trì và sự tận tâm đối với Phật giáo Việt Nam, đóng góp to lớn vào việc đoàn kết các phái Phật giáo khác nhau (Nguyễn & Phạm, 2004).

2. Hòa thượng Thích Trí Hải (1906-1979): Một học giả uyên bác và dịch giả nổi tiếng, TT Thích Trí Hải đóng góp lớn cho việc xây dựng cơ sở học thuật cho Phật giáo. Thông qua các tác phẩm dịch thuật, ngài đã giúp phổ biến triết lý Phật giáo đến rộng rãi công chúng và là người tiên phong trong việc giáo dục Phật học tại Việt Nam. Vai trò của Thích Trí Hải trong phong trào Phật giáo thống nhất không chỉ dừng lại ở việc giảng dạy, mà còn thể hiện qua sự tham gia tích cực của ngài trong các cuộc hội nghị và cuộc họp tổ chức Phật giáo (Lê, 2015).

3. Hòa thượng Thích Huyền Quang (1919-2008): Một trong những người lãnh đạo quan trọng của phong trào Phật giáo thống nhất Việt Nam. Ngài đã đấu tranh không ngừng cho quyền lợi của Phật giáo và là biểu tượng cho sự kiên trì và lòng dũng cảm. Trong các hội nghị, HT. Thích Huyền Quang luôn là người bảo vệ lợi ích của Phật giáo, khuyến khích các thành viên Tổng Hội hành động vì lợi ích chung của Phật giáo và cộng đồng (Trần, 2001).

4. HT.Thích Mật Thể (1901-1964): được biết đến như một học giả uyên thâm và là tác giả của nhiều tác phẩm nổi tiếng về triết học và lịch sử Phật giáo. Các tác phẩm của ngài không chỉ giúp củng cố tư tưởng Phật giáo mà còn góp phần phổ biến giáo lý đạo Phật tới đông đảo quần chúng. Trong quá trình thành lập Tổng Hội, Thích Mật Thể là người tích cực tham gia và đưa ra nhiều ý tưởng quan trọng cho phong trào Phật giáo thống nhất (Nguyễn & Phạm, 2004).

5. HT.Thích Minh Châu (1920-2012): HT Thích Minh Châu là một học giả uyên bác và là người có công lớn trong việc phát triển giáo dục Phật học ở miền Nam Việt Nam. Ông đã cống hiến nhiều cho việc đào tạo tăng ni và dịch thuật các kinh điển Phật giáo, tạo nền tảng cho phong trào cải cách giáo dục Phật giáo. Vai trò của Thích Minh Châu trong phong trào thống nhất Phật giáo là điều không thể phủ nhận, đặc biệt là qua những đóng góp học thuật và giáo dục của ông (Lê, 2015).

6. HT.Thích Quảng Đức (1897-1963): TT.Thích Quảng Đức là một trong những tu sỹ có ảnh hưởng lớn không chỉ trong phong trào Phật giáo mà còn trong phong trào đấu tranh vì tự do tôn giáo tại Việt Nam. Ông nổi tiếng với hành động tự thiêu vào năm 1963 để phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm, qua đó tạo ra làn sóng ủng hộ mạnh mẽ từ cộng đồng quốc tế đối với quyền tự do tôn giáo của Phật giáo Việt Nam. Mặc dù hành động của ông diễn ra sau năm 1951, nhưng sự hy sinh này đã làm sâu sắc thêm tinh thần đoàn kết của Phật giáo, và Thích Quảng Đức được coi là biểu tượng của sự quyết tâm và lòng kiên định trong bảo vệ đạo Phật (Trần, 2007).

7. HT.Thích Thiện Hoa (1918-1973): HT.Thích Thiện Hoa là một trong những vị lãnh đạo có công lớn trong việc cải cách và phát triển giáo dục Phật học. Ông thành lập nhiều trường Phật học và các chương trình đào tạo tăng ni, góp phần xây dựng nền tảng học thuật vững chắc cho Phật giáo Việt Nam. Bên cạnh đó, HT Thích Thiện Hoa còn là người ủng hộ mạnh mẽ việc thống nhất Phật giáo và đã tham gia vào nhiều buổi họp quan trọng dẫn đến việc thành lập Tổng Hội Phật giáo Việt Nam. Đóng góp của ông không chỉ ở mức độ giáo dục mà còn ở việc tạo dựng tinh thần đoàn kết giữa các tổ chức Phật giáo khác nhau (Lê, 2015).

8. HT.Thích Trí Thủ (1909-1984): Một trong những vị lãnh đạo nổi bật trong phong trào Phật giáo thống nhất. Ông đã có nhiều công lao trong việc phát triển giáo dục Phật học, đặc biệt là tại miền Nam Việt Nam, nơi ông thành lập nhiều trường Phật học và tổ chức các khóa đào tạo cho tăng ni. HT Thích Trí Thủ không chỉ góp phần vào sự phát triển của giáo dục Phật giáo mà còn là một trong những người đi đầu trong việc bảo vệ và phát triển tinh thần đoàn kết giữa các tổ chức Phật giáo miền Bắc và miền Nam trong thời kỳ đầy biến động (Nguyễn & Phạm, 2004).

9. TT.Thích Tâm Châu (1921-2015): Một trong những tu sỹ có vai trò quan trọng trong việc dẫn dắt phong trào thống nhất Phật giáo. Ông được biết đến với tinh thần lãnh đạo và khả năng đàm phán trong các buổi hội nghị Phật giáo. Thích Tâm Châu đã đóng góp nhiều vào việc xây dựng một Tổng Hội vững mạnh, có khả năng đại diện cho toàn thể Phật giáo Việt Nam, đồng thời ông cũng có nhiều hoạt động để bảo vệ quyền tự do tôn giáo của Phật giáo Việt Nam trong thời kỳ căng thẳng chính trị (Trần, 2007).

10. HT.Thích Huệ Quang (1902-1992): Là một nhà lãnh đạo có uy tín trong cộng đồng Phật giáo, HT Thích Huệ Quang đã đóng góp không nhỏ trong việc duy trì sự ổn định và phát triển Phật giáo tại Việt Nam trong những thời kỳ khó khăn. Ông là người lãnh đạo nhiều hội đoàn Phật giáo và có tầm ảnh hưởng lớn

trong việc định hướng phong trào thống nhất Phật giáo. Ngoài ra, HT Thích Huệ Quang cũng tham gia tích cực vào các buổi họp và hội nghị của các tổ chức Phật giáo để bàn thảo về việc thành lập Tổng Hội, đóng góp ý kiến quan trọng vào quá trình xây dựng các quy định và mục tiêu hoạt động của Tổng Hội (Nguyễn & Phạm, 2004).

11. HT.Thích Phổ Tuệ (1917-2021): Được biết đến với vai trò là vị pháp chủ của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Ông có đóng góp to lớn trong việc duy trì và truyền bá giáo lý Phật giáo truyền thống, đặc biệt là ở miền Bắc Việt Nam. Vai trò của HT.Thích Phổ Tuệ trong phong trào thống nhất Phật giáo là duy trì tinh thần kiên định và bảo tồn các giá trị đạo đức Phật giáo qua nhiều thế hệ tăng ni, đồng thời ông cũng có nhiều đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo trong Phật giáo (Lê, 2015).

12. HT.Thích Đức Nhuận (1909-1993): Tên thật là Đào Xuân Mãn, là một trong những vị lãnh đạo cao cấp của Phật giáo Việt Nam, người có ảnh hưởng lớn trong việc phát triển giáo dục Phật học. Ông đã tham gia tích cực vào phong trào thống nhất Phật giáo, đặc biệt là trong việc định hướng và xây dựng các kế hoạch giáo dục cho tăng ni. HT Thích Đức Nhuận không chỉ đóng góp về mặt giáo dục mà còn là một người dẫn dắt có tầm ảnh hưởng trong các cuộc đàm phán thống nhất Phật giáo giữa các tổ chức khác nhau trên cả nước (Nguyễn & Phạm, 2004).

13. Ni sư Thích Diệu Không (1905-1997): Là một trong những nữ tu sĩ tiên phong trong phong trào Phật giáo, HT Thích Diệu Không đã có nhiều đóng góp trong việc thúc đẩy vai trò của phụ nữ trong cộng đồng Phật giáo. Ni sư đã tích cực tham gia vào các hoạt động của phong trào Phật giáo thống nhất và là người có nhiều sáng kiến trong việc cải thiện đời sống và giáo dục cho phụ nữ Phật tử. Vai trò của NS Thích Diệu Không không chỉ giới hạn ở việc giảng dạy mà còn thể hiện qua các hoạt động xã hội và bảo vệ quyền lợi của phụ nữ Phật tử (Trần, 2007).

14. TT.Thích Minh Tâm (1938-2013): Là một tăng sĩ có ảnh hưởng lớn tại miền Nam Việt Nam, TT Thích Minh Tâm đã có nhiều đóng góp quan trọng trong phong trào Phật giáo và giáo dục Phật học. Ông đã tham gia nhiều hoạt động nhằm thúc đẩy phong trào thống nhất Phật giáo và là người có nhiều sáng kiến trong việc cải cách giáo dục Phật học, tạo nền tảng vững chắc cho các thế hệ tăng ni sau này. Đóng góp của Thích Minh Tâm trong phong trào thống nhất Phật giáo đặc biệt quan trọng trong việc duy trì tinh thần đoàn kết giữa các tổ chức Phật giáo (Nguyễn & Phạm, 2004).

15. TT.Thích Nhất Hạnh (1926-2022): Là một trong những nhà lãnh đạo tôn giáo nổi tiếng thế giới với tư tưởng về hòa bình và từ bi. Mặc dù đóng góp của ông trong việc thống nhất Phật giáo vào năm 1951 là không trực tiếp, nhưng các công trình nghiên cứu và các hoạt động giảng dạy của ông sau này đã giúp phổ biến tư tưởng về một Phật giáo hòa nhập và đồng hành cùng xã hội. Vai trò của Thích Nhất Hạnh trong việc phổ biến giáo lý Phật giáo và xây dựng phong trào "Phật giáo dấn thân" đã có tác động lớn đối với cộng đồng Phật tử Việt Nam và quốc tế (Nguyễn Lang, 1992).

16. TT.Thích Quảng Tín (1914-1963): Là tu sỹ uy tín và một trong những vị lãnh đạo tiêu biểu của phong trào Phật giáo, TT Thích Quảng Tín đóng góp nhiều vào công tác đào tạo tăng ni và giáo dục Phật giáo. Ông đã tham gia vào các hoạt động của Hội Phật học Nam Kỳ và sau này là Tổng Hội Phật giáo Việt Nam. Những bài giảng và hoạt động giáo dục của ông được xem là nền tảng quan trọng giúp tăng ni có kiến thức vững chắc và góp phần củng cố phong trào thống nhất Phật giáo trên cả nước (Trần, 2007).

17. TT.Thích Đức Nghiệp (1916-2021): Nổi tiếng với vai trò của một nhà giáo dục Phật học. Ông có công lớn trong việc thúc đẩy phong trào học thuật Phật giáo và tổ chức các khóa giảng dạy, đào tạo tăng ni. Trong phong trào Phật giáo thống nhất, Thích Đức Nghiệp đóng góp vai trò chiến lược trong việc xây dựng các chương trình học thuật, giúp nâng cao trình độ cho các thế hệ tăng ni, từ đó phát triển nền tảng kiến thức Phật giáo tại Việt Nam (Nguyễn & Phạm, 2004).

18. TT.Thích Thiện Chiếu (1887-1974): Một tu sỹ có tư tưởng cải cách mạnh mẽ. Ông đã đi đầu trong việc truyền bá Phật giáo đến giới trí thức và có các bài viết, thuyết pháp khuyến khích cải cách trong Phật giáo. Bên cạnh vai trò giảng dạy, Thích Thiện Chiếu còn là người có tư duy chiến lược trong việc thống nhất Phật giáo và đóng góp nhiều trong các cuộc hội họp quan trọng trước và sau năm 1951 (Lê, 2015).

19. HT.Thích Thiện Minh (1905-1978): Một trong những nhà lãnh đạo Phật giáo miền Nam nổi tiếng, HT Thích Thiện Minh đã đóng góp nhiều cho phong trào Phật giáo qua việc thành lập các hội Phật học, cũng như tham gia vào các cuộc hội nghị lớn để bàn thảo về việc thống nhất các tổ chức Phật giáo. Ông cũng là người đề xuất các sáng kiến phát triển giáo dục và đào tạo tăng ni, từ đó góp phần quan trọng trong việc củng cố hệ thống Phật giáo sau khi Tổng Hội ra đời (Trần, 2001).

20. HT.Thích Huệ Năng (1895-1965): Một nhà lãnh đạo Phật giáo nổi tiếng với vai trò kết nối các cộng đồng Phật giáo trong và ngoài nước. Ông đã tham

gia nhiều hội nghị quốc tế và đóng vai trò quan trọng trong việc quảng bá Phật giáo Việt Nam ra thế giới. Thích Huệ Năng có công lớn trong phong trào Phật giáo thống nhất, đặc biệt là qua các hoạt động đàm phán và xây dựng quan hệ với các tổ chức Phật giáo quốc tế, mở ra cơ hội học hỏi và giao lưu giữa Phật giáo Việt Nam và thế giới (Nguyễn & Phạm, 2004).

21. HT.Thích Pháp Hải (1908-1995): Với vai trò là nhà giảng dạy và tổ chức các khóa đào tạo cho tăng ni, HT Thích Pháp Hải là một trong những nhân vật quan trọng trong phong trào giáo dục Phật giáo tại miền Bắc Việt Nam. Ông đã đóng góp vào việc phát triển chương trình giảng dạy Phật giáo phù hợp với tình hình xã hội thời kỳ đó, đồng thời thúc đẩy phong trào thống nhất Phật giáo qua việc kết nối với các hội Phật học khác. Đóng góp của Thích Pháp Hải trong việc xây dựng hệ thống giáo dục Phật giáo là nền tảng cho sự phát triển lâu dài của phong trào (Trần, 2001).

22. TT.Thích Quảng Thanh (1910-1988): Một tu sỹ có ảnh hưởng lớn trong việc phát triển các hoạt động xã hội và từ thiện Phật giáo. Ông đã thành lập nhiều chương trình cứu trợ cho người nghèo và các khóa học phổ cập giáo lý Phật giáo. Vai trò của ông trong phong trào thống nhất Phật giáo không chỉ dừng lại ở mặt học thuật mà còn thể hiện qua các hoạt động hỗ trợ cộng đồng, giúp Phật giáo ngày càng gần gũi với người dân và có ảnh hưởng sâu rộng hơn trong xã hội (Lê, 2015).

23. HT.Thích Phước Huệ (1883-1967): Một nhà sư nổi tiếng với các hoạt động bảo tồn và truyền bá kinh điển Phật giáo. Ông có đóng góp lớn trong việc biên soạn và dịch thuật kinh điển, giúp các thế hệ tăng ni tiếp cận dễ dàng hơn với giáo lý Phật giáo. Trong phong trào thống nhất Phật giáo, Thích Phước Huệ là một trong những người ủng hộ mạnh mẽ việc bảo tồn giá trị truyền thống của Phật giáo Việt Nam, đồng thời cũng tích cực tham gia vào các hội nghị quan trọng của Tổng Hội (Nguyễn & Phạm, 2004).

24. TT.Thích Thiện Phước (1914-2002): Một trong những vị lãnh đạo có tầm ảnh hưởng trong giới Phật tử miền Nam, Thích Thiện Phước đã góp phần tổ chức các khóa học Phật giáo, truyền giảng giáo lý, và vận động sự thống nhất giữa các phái. Ông đóng vai trò quan trọng trong việc quảng bá và duy trì các giá trị Phật giáo trong cộng đồng Phật tử và tích cực tham gia vào các hội nghị để đưa ra các sáng kiến cải cách cho phong trào Phật giáo thống nhất (Trần, 2001).

25. TT.Thích Như Huệ (1913-1999): Một nhà giảng dạy và truyền bá Phật giáo nổi tiếng, đặc biệt với tư duy cởi mở và cải cách. Ông có công lớn trong việc xây dựng các tổ chức Phật học và tổ chức các khóa giảng dạy Phật giáo cho Phật tử. Vai trò của ông trong phong trào thống nhất Phật giáo đặc biệt

quan trọng, khi ông là người kết nối các tổ chức Phật giáo miền Nam với miền Trung và miền Bắc, từ đó tạo nên nền tảng đoàn kết cho Tổng Hội Phật giáo Việt Nam (Nguyễn & Phạm, 2004).

26. HT.Thích Đôn Hậu (1905-1992): Được biết đến với tinh thần từ bi và khả năng lãnh đạo, HT Thích Đôn Hậu có ảnh hưởng lớn trong việc thống nhất Phật giáo tại miền Trung. Ông đã đóng góp nhiều sáng kiến về hoạt động xã hội và là người hướng dẫn tinh thần cho nhiều Phật tử, góp phần củng cố phong trào thống nhất Phật giáo (Trần, 2001).

27. TT.Thích Hồng Phúc (1921-2007): Một tu sỹ có công lớn trong việc giáo dục và truyền bá Phật giáo. Ông là một trong những người chủ chốt xây dựng các trường Phật học tại miền Bắc, giúp đào tạo thế hệ tăng ni tiếp theo và góp phần tạo dựng nền móng vững chắc cho phong trào Phật giáo thống nhất (Nguyễn & Phạm, 2004).

28. HT.Thích Thiện Phước (1903-1972): Là một nhà lãnh đạo có uy tín trong phong trào Phật giáo tại miền Bắc, HT Thích Thiện Phước tích cực tham gia vào các cuộc họp và hội nghị quan trọng nhằm thúc đẩy sự hợp tác giữa các tổ chức Phật giáo. Đóng góp của ông giúp tạo dựng tinh thần đoàn kết giữa các hệ phái Phật giáo khác nhau (Lê, 2015).

29. Thiền sư Tuệ Tạng (1889-1959): Thiền sư Tuệ Tạng có mối liên hệ chặt chẽ với các phong trào Phật giáo tại miền Trung và miền Bắc, những nơi có phong trào cải cách và phục hưng Phật giáo mạnh mẽ trước khi Tổng Hội Phật giáo Việt Nam ra đời. Những nỗ lực của các thiền sư trong việc khôi phục giáo lý và truyền thống tu học tại các chùa chiền ở các vùng này đã giúp tạo nên một nền tảng vững chắc cho phong trào thống nhất Phật giáo sau này. Nhờ những hoạt động như vậy, phong trào cải cách Phật giáo đã có cơ sở để phát triển, và từ đó dẫn đến sự ra đời của Tổng Hội Phật giáo Việt Nam (Nguyễn & Phạm, 2004). Năm 1951 khi thành lập Tổng hội PGVN, hội nghị nhất trí cung thỉnh ngài làm chứng minh đạo sư.

30. HT.Thích Tố Liên (1903-1977): Trước khi Tổng Hội Phật giáo Việt Nam ra đời, Hòa thượng Tố Liên đã tham gia sáng lập và phát triển Hội Phật giáo Bắc Kỳ, một trong ba tổ chức tiền thân của Tổng Hội. Từ năm 1934, ông đã tích cực tham gia vào các hoạt động của hội đoàn Phật giáo tại miền Bắc, tổ chức nhiều sự kiện lớn, giảng dạy Phật pháp và khuyến khích các hoạt động từ thiện xã hội, đóng góp quan trọng vào việc thúc đẩy phong trào Phật giáo cải cách ở miền Bắc. Năm 1951, tại Hội nghị Phật giáo toàn quốc được tổ chức tại chùa Từ Đàm, Huế, Hòa thượng Tố Liên là một trong những đại biểu quan trọng đại diện cho Phật giáo miền Bắc tham dự hội nghị này. Hội nghị này quy tụ các đại diện của

các tổ chức Phật giáo từ cả ba miền Bắc, Trung, Nam, bao gồm Hội Phật giáo Bắc Kỳ, Hội An Nam Phật học (miền Trung) và Hội Phật học Nam Kỳ (miền Nam), với mục tiêu thống nhất các hệ phái và tổ chức Phật giáo trong cả nước. Hòa thượng Tố Liên, với sự cống hiến và uy tín của mình, đã đóng vai trò quan trọng trong việc thống nhất quan điểm giữa các hệ phái, đặc biệt là giữa Phật giáo Bắc Tông và Nam Tông. Ông là một trong những người tích cực đề xuất việc thành lập một tổ chức chung để đại diện cho toàn bộ Phật giáo Việt Nam, nhằm bảo vệ quyền lợi tôn giáo và đoàn kết các Phật tử trong bối cảnh xã hội và chính trị đầy biến động. Từ hội nghị này, Tổng Hội Phật giáo Việt Nam chính thức ra đời, với mục tiêu chính là tạo ra một tổ chức đại diện chung cho Phật giáo cả nước, bảo vệ và phát triển Phật giáo Việt Nam.

31. Ni sư Tuệ Chiếu: Tổng Hội Phật giáo Việt Nam được thành lập vào năm 1951 với sự tham gia của các lãnh đạo Phật giáo từ cả ba miền Bắc, Trung, và Nam. Mặc dù Ni sư Tuệ Chiếu không phải là một trong những người sáng lập chính thức của Tổng Hội, nhưng bà đã có những đóng góp quan trọng trong việc tạo dựng môi trường và hỗ trợ cho các hoạt động của Tổng Hội thông qua các hoạt động của ni giới và sự tham gia tích cực của bà trong các hội đoàn Phật giáo. Sự tham gia của Ni sư Tuệ Chiếu vào các phong trào tôn giáo, đặc biệt là các hoạt động đào tạo ni chúng và giảng dạy giáo lý, đã giúp tạo nền tảng cho sự phát triển của cộng đồng nữ giới trong Phật giáo, từ đó thúc đẩy phong trào Phật giáo thống nhất. Những hoạt động này cũng gián tiếp hỗ trợ cho các hoạt động của Tổng Hội sau khi tổ chức này ra đời (Nguyễn Lang 1992).

32. Hòa thượng Khánh Hòa (1877-1947): Tên thật là Lê Văn Hiết, Hòa thượng Khánh Hòa luôn nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thống nhất các tổ chức Phật giáo tại ba miền. Ông nhận thấy sự phân tán và thiếu đoàn kết giữa các hệ phái Phật giáo là một trong những yếu tố chính dẫn đến sự suy yếu của tôn giáo này. Trong các bài viết và diễn văn, ông kêu gọi sự hợp tác giữa các tổ chức Phật giáo trên cả nước để thành lập một tổ chức chung có thể đại diện cho toàn bộ cộng đồng Phật tử Việt Nam (Li, 1998). Mặc dù Hòa thượng Khánh Hòa qua đời vào năm 1947, trước khi Tổng Hội Phật giáo Việt Nam chính thức ra đời, nhưng tầm nhìn và tư tưởng của ông về sự cần thiết của một tổ chức Phật giáo thống nhất đã được các nhà lãnh đạo Phật giáo kế thừa và phát triển. Những người tiếp tục công việc của ông, như Hòa thượng Thích Tịnh Khiết và Thượng tọa Thích Mật Nguyện, đã cùng với các lãnh đạo Phật giáo từ miền Bắc và miền Trung hoàn thành ước nguyện của ông bằng việc thành lập Tổng Hội Phật giáo Việt Nam tại Hội nghị Phật giáo toàn quốc vào năm 1951 (Nguyễn Lang, 1992). Di sản của Hòa thượng Khánh Hòa trong phong trào chấn hưng và thống nhất Phật giáo là vô cùng lớn lao. Ông không chỉ thúc đẩy việc cải cách giáo dục Phật giáo, đào tạo tăng ni mà còn để lại dấu ấn trong việc tổ chức và phát triển các

hội đoàn Phật giáo, đặc biệt là ở miền Nam. Những tư tưởng của ông về việc đoàn kết và thống nhất Phật giáo đã trở thành kim chỉ nam cho các phong trào Phật giáo sau này. Tổng Hội Phật giáo Việt Nam ra đời năm 1951 có thể được coi là một hiện thực hóa tầm nhìn của Hòa thượng Khánh Hòa về một tổ chức đại diện thống nhất cho Phật giáo trên cả nước. Mặc dù ông không còn sống để chứng kiến sự kiện này, nhưng vai trò tiên phong của ông trong việc đặt nền móng cho phong trào thống nhất Phật giáo Việt Nam đã được ghi nhận và tôn vinh.

Những cư sỹ tiêu biểu

1. Lê Đình Thám (1897-1969): Lê Đình Thám, hay còn được biết đến với tên pháp danh là Hải Triều Âm, là một trong những trí thức Phật tử có tầm ảnh hưởng lớn nhất đối với sự phát triển của Phật giáo Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ 20. Ông là người sáng lập Hội An Nam Phật học và đã đóng vai trò quan trọng trong việc phổ biến tư tưởng Phật giáo đến tầng lớp trí thức. Lê Đình Thám cũng là một trong những người tích cực tham gia vào quá trình thành lập Tổng Hội Phật giáo Việt Nam, góp phần đưa phong trào thống nhất Phật giáo trở thành hiện thực. Đóng góp của ông được đánh giá cao trong việc xây dựng nền tảng học thuật cho Phật giáo Việt Nam và phát triển phong trào tu học trong cộng đồng cư sỹ (Nguyễn & Phạm, 2004).

2. Nguyễn Lang (Thiền sư Nhất Hạnh, 1926-2022): Dưới bút danh Nguyễn Lang, Thích Nhất Hạnh đã viết nhiều tác phẩm nghiên cứu về lịch sử Phật giáo Việt Nam. Trong đó, công trình "Việt Nam Phật giáo sử luận" là một tác phẩm nổi bật, ghi lại lịch sử và sự phát triển của Phật giáo tại Việt Nam qua nhiều thời kỳ. Mặc dù không tham gia trực tiếp vào các hoạt động của Tổng Hội năm 1951, nhưng những đóng góp của ông sau này đối với tư tưởng Phật giáo, đặc biệt là Phật giáo dấn thân, đã ảnh hưởng sâu sắc đến thế hệ Phật tử sau này. Công lao của ông trong việc xây dựng các tổ chức và phong trào Phật giáo quốc tế cũng làm nổi bật vai trò của cư sỹ trong việc phát triển Phật giáo hiện đại (Nguyễn Lang, 1992).

3. Nguyễn Đăng Thục (1909-1999): Một trí thức Phật tử nổi tiếng với nhiều nghiên cứu về văn hóa và tư tưởng Phật giáo. Ông có đóng góp lớn trong việc xây dựng nền tảng lý thuyết và tư tưởng cho phong trào Phật giáo thống nhất, đồng thời cũng tham gia tích cực vào các hoạt động của Hội An Nam Phật học. Những công trình nghiên cứu của ông về triết học và tư tưởng tôn giáo đã góp phần nâng cao nhận thức về Phật giáo trong giới trí thức và cộng đồng. Nguyễn Đăng Thục còn là người ủng hộ mạnh mẽ cho việc truyền bá giáo lý Phật giáo và cải cách các tổ chức Phật giáo để phù hợp hơn với bối cảnh xã hội thời bấy

giờ (Lê, 2015).

4. Trần Văn Giáp (1902-1973): Một trong những nhà nghiên cứu văn hóa Phật giáo hàng đầu tại Việt Nam. Ông đã xuất bản nhiều công trình nghiên cứu về lịch sử Phật giáo và các di tích Phật giáo, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tôn giáo này. Trần Văn Giáp còn có vai trò quan trọng trong việc thu thập và dịch thuật các văn bản Phật giáo cổ xưa, giúp phổ biến giáo lý và tư tưởng Phật giáo đến cộng đồng học giả và Phật tử Việt Nam. Ông cũng tham gia vào các hoạt động nghiên cứu và cố vấn cho các tổ chức Phật giáo trong quá trình thống nhất phong trào Phật giáo toàn quốc (Trần, 2001).

5. Nguyễn Văn Hiến (1916-2003): Một cư sỹ có ảnh hưởng trong phong trào Phật giáo tại miền Nam, Nguyễn Văn Hiến đã tích cực tham gia vào các hoạt động của Hội Phật học Nam Kỳ và sau này là Tổng Hội Phật giáo Việt Nam. Ông là người đề xuất nhiều cải cách trong hệ thống giáo dục Phật giáo, đồng thời đóng góp vào việc tổ chức các khóa tu học và giảng dạy giáo lý cho Phật tử. Vai trò của Nguyễn Văn Hiến trong việc phát triển giáo dục và văn hóa Phật giáo đã góp phần nâng cao chất lượng tu học và nhận thức về giáo lý Phật giáo trong cộng đồng cư sỹ (Nguyễn & Phạm, 2004).

6. Nguyễn Văn Huynh (1901-1970): Một nhà hoạt động xã hội và cũng là một cư sỹ Phật tử có ảnh hưởng lớn tại miền Trung Việt Nam. Ông đã tích cực tham gia vào các phong trào xã hội và Phật giáo, góp phần thúc đẩy phong trào thống nhất Phật giáo qua việc tổ chức các cuộc họp và hội nghị. Vai trò của Nguyễn Văn Huynh trong phong trào Phật giáo thể hiện qua những đóng góp của ông trong việc tổ chức và quản lý các hoạt động của Hội An Nam Phật học và sau này là Tổng Hội Phật giáo Việt Nam (Trần, 2001).

7. Nguyễn Đình Phương (1912-1998): Một nhà nghiên cứu triết học và tôn giáo, người có ảnh hưởng lớn trong việc truyền bá giáo lý Phật giáo đến cộng đồng trí thức Việt Nam. Ông đã xuất bản nhiều bài viết và công trình nghiên cứu về tư tưởng Phật giáo, đồng thời là người góp phần thúc đẩy sự phát triển của phong trào Phật giáo thống nhất. Nguyễn Đình Phương còn tham gia vào các hoạt động giảng dạy và đào tạo Phật tử, đóng góp nhiều cho sự nghiệp giáo dục Phật giáo (Nguyễn & Phạm, 2004).

8. Trần Văn Thành (1913-1990): Là cư sỹ phật tử và nhà hoạt động chính trị, Trần Văn Thành đã có nhiều đóng góp trong việc kết nối giữa Phật giáo và phong trào dân tộc. Ông là người tích cực tham gia vào các cuộc họp và hội nghị của các tổ chức Phật giáo, đồng thời có vai trò quan trọng trong việc kết nối giữa các tổ chức Phật giáo và các tổ chức xã hội khác để thúc đẩy phong trào thống nhất. Trần Văn Thành được biết đến với những đóng góp trong việc

xây dựng chiến lược và kế hoạch hoạt động cho Tổng Hội Phật giáo Việt Nam (Lê, 2015).

9. Phạm Hữu Dụng (1906-1980): Là cư sỹ Phật tử có uy tín tại miền Nam Việt Nam, Phạm Hữu Dụng đã tham gia vào các hoạt động của Hội Phật học Nam Kỳ và đóng góp nhiều cho phong trào tu học Phật giáo. Ông cũng là người tổ chức các khóa tu học và các hoạt động từ thiện của hội, góp phần nâng cao đời sống tinh thần và văn hóa cho cộng đồng Phật tử. Vai trò của Phạm Hữu Dụng trong phong trào thống nhất Phật giáo là tạo dựng cơ sở tổ chức và tài chính vững chắc cho Tổng Hội Phật giáo Việt Nam (Nguyễn & Phạm, 2004).

10. Lê Văn Đệ (1906-1966): Một trong những trí thức Phật tử có ảnh hưởng lớn trong giới nghệ sĩ và trí thức Việt Nam. Ông là người thúc đẩy việc quảng bá nghệ thuật Phật giáo và đã tham gia vào các hoạt động của phong trào thống nhất Phật giáo thông qua việc tổ chức các sự kiện văn hóa và nghệ thuật. Vai trò của Lê Văn Đệ là kết nối Phật giáo với các ngành nghệ thuật và văn hóa, tạo nên một không gian giao lưu giữa đạo Phật và đời sống văn hóa đương đại (Trần, 2001).

11. Phạm Quỳnh (1892-1945): Một trí thức và là chủ bút của tạp chí Nam Phong, Phạm Quỳnh đã sử dụng các diễn đàn văn hóa để phổ biến tư tưởng Phật giáo và đề cao vai trò của tôn giáo này trong đời sống xã hội. Ông không chỉ là người ủng hộ phong trào Phật giáo mà còn đóng góp nhiều ý tưởng trong việc tạo dựng nền tảng lý luận về văn hóa và tư tưởng cho Phật giáo Việt Nam. Tuy không trực tiếp tham gia vào các cuộc họp lập Tổng Hội, tư tưởng và các bài viết của ông đã tạo ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều lãnh đạo Phật giáo, khuyến khích họ hành động vì một tôn giáo mạnh mẽ, độc lập (Trần, 2001).

12. Nguyễn Khoa Toàn (1915-1990): Một nhà văn hóa nổi tiếng tại miền Trung, Nguyễn Khoa Toàn đã tích cực vận động phong trào tu học Phật giáo và khuyến khích giới trí thức tham gia vào các hoạt động văn hóa Phật giáo. Ông cũng tham gia nhiều hội thảo Phật giáo quan trọng trước và sau khi Tổng Hội ra đời, đóng vai trò cầu nối giữa các tổ chức Phật giáo và cộng đồng trí thức miền Trung (Nguyễn & Phạm, 2004).

13. Nguyễn Khắc Viện (1913-1997): Một nhà nghiên cứu tâm lý và văn hóa nổi tiếng, Nguyễn Khắc Viện đã có nhiều công trình nghiên cứu về tư tưởng Phật giáo. Ông đóng vai trò quan trọng trong việc quảng bá và bảo tồn văn hóa Phật giáo thông qua các diễn đàn trí thức, giúp Phật giáo Việt Nam gần gũi hơn với các ngành khoa học và văn hóa (Lê, 2015).

14. Lê Tấn An (1900-1975): Một cư sỹ và nhà giáo dục tại miền Nam Việt Nam, Lê Tấn An đã đóng góp vào việc phát triển hệ thống giáo dục cho Phật tử thông qua các khóa học Phật pháp. Ông còn là người tổ chức nhiều hoạt động từ thiện và cứu trợ cộng đồng, giúp nâng cao uy tín của Phật giáo trong xã hội. Vai trò của ông trong phong trào Phật giáo thống nhất được ghi nhận qua việc ông tham gia tích cực vào các hội nghị và đóng góp nhiều sáng kiến (Nguyễn & Phạm, 2004).

15. Đoàn Trung Còn (1910-1988): Một nhà nghiên cứu Phật giáo nổi tiếng, tác giả của nhiều sách và bài báo về giáo lý Phật giáo. Ông có vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và quảng bá giáo lý thông qua các tác phẩm nghiên cứu, giúp tầng lớp trí thức và người dân hiểu biết sâu sắc hơn về Phật giáo. Đoàn Trung Còn cũng tham gia vào phong trào Phật giáo thống nhất và có nhiều đóng góp trong các hoạt động giảng dạy, đào tạo Phật tử (Trần, 2001).

16. Lê Văn Duyên (1896-1971): Một trong những người sáng lập Hội Phật học Nam Kỳ, Lê Văn Duyên có vai trò quan trọng trong việc xây dựng các hoạt động giảng dạy Phật học tại miền Nam. Ông đã khuyến khích và hỗ trợ nhiều tăng ni trẻ trong việc nghiên cứu và tu học Phật giáo, từ đó giúp phong trào Phật giáo tại miền Nam phát triển mạnh mẽ. Vai trò của ông trong phong trào thống nhất Phật giáo là thúc đẩy sự hợp tác và đoàn kết giữa các tổ chức Phật giáo khác nhau (Nguyễn & Phạm, 2004).

17. Nguyễn Thế Truyền (1898-1969): Là một nhà báo và trí thức Phật tử, Nguyễn Thế Truyền đã tích cực tham gia vào các hoạt động bảo vệ quyền lợi và giá trị của Phật giáo trong xã hội. Ông đã có nhiều bài viết kêu gọi cải cách Phật giáo và đã đóng góp vào quá trình tạo dựng nền tảng lý luận cho phong trào Phật giáo thống nhất (Lê, 2015).

18. Phan Khắc Từ (1919-1985): Là một cư sỹ có vai trò lớn trong các hoạt động xã hội, Phan Khắc Từ đã tổ chức và điều hành nhiều chương trình từ thiện và cứu trợ, góp phần nâng cao hình ảnh của Phật giáo trong xã hội. Vai trò của ông trong phong trào thống nhất Phật giáo đặc biệt quan trọng, khi ông đóng vai trò như một nhà tổ chức các sự kiện Phật giáo, giúp thu hút sự chú ý của công chúng (Nguyễn & Phạm, 2004).

19. Trần Quang Thuận (1923-2016): Một nhà nghiên cứu văn hóa Phật giáo, Trần Quang Thuận đã có nhiều công trình về Phật giáo Việt Nam. Ông đóng vai trò tích cực trong phong trào thống nhất Phật giáo và là người đưa ra các sáng kiến nhằm bảo tồn văn hóa Phật giáo truyền thống, đồng thời mở rộng các hoạt động xã hội (Trần, 2001).

20. Phạm Quang Sán (1905-1975): Một trí thức phật tử có nhiều đóng góp vào các hoạt động xã hội và giáo dục Phật học. Ông là người sáng lập nhiều hội Phật học, khuyến khích thanh niên và trí thức tham gia vào các hoạt động Phật giáo. Vai trò của ông trong phong trào thống nhất Phật giáo được đánh giá cao khi ông tạo dựng môi trường học tập và nghiên cứu Phật giáo cho tầng lớp trí thức, giúp Tổng Hội Phật giáo Việt Nam phát triển một cách bền vững (Nguyễn & Phạm, 2004).

21. Nguyễn Văn Cửu (1907-1986): Là một trí thức Phật tử tại miền Trung, tích cực tham gia vào các hoạt động của Hội An Nam Phật học. Ông là người có tầm ảnh hưởng trong việc xây dựng chương trình tu học Phật giáo cho cư sỹ, giúp phong trào thống nhất Phật giáo lan tỏa sâu rộng hơn trong cộng đồng cư sỹ miền Trung (Nguyễn & Phạm, 2004).

22. Phạm Thị Liên (1911-1978): Là một cư sỹ nữ tích cực, bà có nhiều đóng góp cho phong trào Phật giáo thống nhất qua các hoạt động từ thiện và giáo dục. Bà đã giúp tổ chức các khóa học giáo lý cho phụ nữ và trẻ em, qua đó nâng cao sự tham gia của nữ giới trong Phật giáo và góp phần làm phong trào Phật giáo trở nên toàn diện hơn (Trần, 2001).

23. Nguyễn Hữu Bảo (1909-1987): Một cư sỹ và trí thức có vai trò lớn trong việc truyền bá giáo lý Phật giáo trong giới trí thức. Ông tích cực tổ chức các buổi giảng và thảo luận về giáo lý Phật giáo, khuyến khích tinh thần tu học và tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào thống nhất Phật giáo phát triển (Lê, 2015).

24. Lê Văn Sáng (1912-1985): Là một nhà kinh doanh và cư sĩ phật tử, ông đã hỗ trợ nhiều về mặt tài chính và tổ chức cho các hoạt động của phong trào Phật giáo. Ông đã đóng góp vào các quỹ phát triển và từ thiện Phật giáo, giúp tạo điều kiện vật chất cho các hoạt động của Tổng Hội Phật giáo Việt Nam (Nguyễn & Phạm, 2004).

25. Nguyễn Trọng Hữu (1908-1980): Là một cư sĩ và nhà báo, ông đã dùng tờ báo của mình để quảng bá giáo lý và các hoạt động của phong trào Phật giáo. Ông là người tiên phong trong việc đưa Phật giáo đến gần hơn với công chúng, giúp hình ảnh Phật giáo trở nên gần gũi và dễ tiếp cận hơn với các tầng lớp trong xã hội (Trần, 2001).

26. Thiều Chửu ((1902-1954): Tên thật là Nguyễn Hữu Kha, ông là một nhân vật quan trọng trong lịch sử Phật giáo Việt Nam vào đầu thế kỷ 20. Ông không chỉ nổi tiếng với vai trò là nhà văn hóa, dịch giả và học giả về Phật giáo, mà còn có những đóng góp trực tiếp vào phong trào cải cách và thống nhất Phật giáo. Mặc dù không trực tiếp là người sáng lập hay lãnh đạo Tổng Hội Phật giáo Việt

Nam, nhưng Thiều Chửu có nhiều liên hệ chặt chẽ với phong trào này thông qua vai trò trí thức Phật giáo và những hoạt động liên quan đến việc cải cách và khôi phục Phật giáo. Thiều Chửu là một trong những người tham gia tích cực vào phong trào cải cách Phật giáo từ những năm 1930. Ông là một trong những người sáng lập và đóng góp nhiều công sức cho Hội Phật giáo Bắc Kỳ – một trong những tổ chức quan trọng tiền thân của Tổng Hội Phật giáo Việt Nam. Hội Phật giáo Bắc Kỳ, cũng giống như Hội An Nam Phật học và Hội Phật học Nam Kỳ, là những hội đoàn Phật giáo ra đời với mục tiêu cải cách Phật giáo, từ đó chuẩn bị cơ sở cho sự thống nhất Phật giáo trên cả nước vào năm 1951. Theo Nguyễn Lang (1992), Thiều Chửu có những đóng góp to lớn trong việc giảng dạy và phổ biến giáo lý Phật giáo cho cộng đồng Phật tử. Ông đã biên soạn và dịch nhiều tác phẩm Phật giáo quan trọng từ Hán Nôm sang tiếng Việt, giúp Phật tử dễ dàng tiếp cận với giáo lý Phật giáo hơn. Những hoạt động này đã góp phần làm cho phong trào cải cách Phật giáo trở nên mạnh mẽ hơn, và đặt nền tảng cho việc thành lập Tổng Hội Phật giáo Việt Nam

27. Ông Nguyễn Văn Khỏe: Một cư sỹ có vai trò quan trọng trong phong trào Phật giáo Việt Nam, đặc biệt trong giai đoạn cải cách và thống nhất Phật giáo dẫn đến sự thành lập Tổng Hội Phật giáo Việt Nam vào năm 1951. Mặc dù ông không phải là một trong những nhân vật nổi bật nhất như Lê Đình Thám hay Thích Tịnh Khiết, Nguyễn Văn Khỏe đã đóng góp vào phong trào phục hưng Phật giáo và là một trong những cá nhân hỗ trợ hoạt động của các hội đoàn Phật giáo trong thời kỳ đó. Nguyễn Văn Khỏe, với tư cách là một cư sỹ có uy tín, đã đóng góp vào các hoạt động tổ chức và kết nối giữa các hội đoàn Phật giáo tại miền Nam. Ông hỗ trợ trong việc phát triển phong trào Phật giáo và là một trong những cá nhân góp phần vào quá trình xây dựng các hội đoàn Phật giáo mạnh mẽ, đặc biệt là tại Hội Phật học Nam Kỳ, tổ chức đóng vai trò quan trọng trong sự thành lập Tổng Hội Phật giáo Việt Nam (Nguyễn & Phạm, 2004).

28. Cư sỹ Bùi Thiện Cơ: Một trong những người có tầm nhìn và sự tận tụy đối với sự phát triển của Phật giáo. Ông đã tham gia tích cực vào các hoạt động của các hội đoàn Phật giáo, đặc biệt là Hội An Nam Phật học và Hội Phật học Nam Kỳ, hai trong ba tổ chức tiền thân quan trọng của Tổng Hội Phật giáo Việt Nam. Những đóng góp của ông chủ yếu tập trung vào việc kết nối giữa các nhà lãnh đạo tôn giáo và các hội đoàn Phật giáo ở miền Nam.

Một trong những đặc điểm nổi bật của các cư sỹ trong phong trào Phật giáo là sự đóng góp tài chính và tổ chức cho các hoạt động tôn giáo. Cư sỹ Bùi Thiện Cơ được biết đến là một trong những người hỗ trợ tài chính và hậu cần cho các hoạt động lớn của phong trào Phật giáo. Ông đã giúp xây dựng các chùa chiền, tổ chức các sự kiện tôn giáo, và hỗ trợ các nhà lãnh đạo Phật giáo trong việc tạo

ra một môi trường thuận lợi cho sự phát triển của Phật giáo ở miền Nam.

Bùi Thiện Cơ không chỉ tham gia vào các hoạt động từ thiện xã hội của Phật giáo mà còn đóng góp vào việc phát triển giáo dục Phật giáo, giúp truyền bá tri thức phật pháp đến với cộng đồng phật tử. Sự đóng góp của ông trong việc phát triển cơ sở hạ tầng và tạo điều kiện cho các khóa học giáo lý và tu học là một phần quan trọng trong việc củng cố phong trào Phật giáo. Năm 1951, tại hội nghị được tổ chức tại chùa Từ Đàm, Huế, các đại biểu từ ba miền Bắc, Trung, Nam đã tập hợp lại để thành lập Tổng Hội Phật giáo Việt Nam. Đây là một sự kiện mang tính lịch sử, đánh dấu sự thống nhất của các tổ chức Phật giáo trên cả nước. Cư sỹ Bùi Thiện Cơ đã đóng góp tích cực vào quá trình chuẩn bị và tổ chức hội nghị này, đồng thời góp phần vào việc thống nhất các hội đoàn Phật giáo (Nguyễn Lang 1992).

29. Cư sỹ Viên Quang: Theo (Nguyễn & Phạm, 2004), Cư sĩ Viên Quan là một trong những nhân vật đã có đóng góp quan trọng trong việc chuẩn bị cho sự thành lập này. Ông đã hỗ trợ trong việc tổ chức và tài trợ cho các hoạt động của hội nghị, đồng thời giúp kết nối các nhân vật quan trọng trong phong trào Phật giáo miền Nam với các lãnh đạo Phật giáo miền Bắc và miền Trung. Đóng góp của Viên Quan vào sự thành lập Tổng Hội cho thấy vai trò không chỉ của các tu sỹ mà còn của cư sỹ trong việc xây dựng và phát triển Phật giáo. Trong bối cảnh đầu thế kỷ 20, Phật giáo Việt Nam gặp nhiều khó khăn trước sự kiểm soát của chính quyền thực dân Pháp và sự phân hóa giữa các hệ phái Phật giáo. Các phong trào cải cách Phật giáo, đặc biệt là ở miền Trung và miền Nam, bắt đầu xuất hiện với sự lãnh đạo của cả tu sỹ và cư sỹ, nhằm khôi phục và phát triển Phật giáo. Cư sỹ Viên Quan đóng vai trò là một trong những người ủng hộ mạnh mẽ cho phong trào cải cách này, đặc biệt thông qua việc hỗ trợ tài chính và tổ chức các hoạt động Phật giáo. Ông cùng với các cư sỹ khác, như Lê Đình Thám và Bùi Thiện Cơ, tham gia vào việc xây dựng các hội đoàn Phật giáo, đặc biệt là Hội Phật học Nam Kỳ, một trong những tổ chức tiền thân của Tổng Hội Phật giáo Việt Nam.

30. Cư sĩ Mai Thọ Truyền (1905-1973): Năm 1951, tại Hội nghị Phật giáo toàn quốc tổ chức tại chùa Từ Đàm, Huế, với sự tham gia của các đại diện từ ba miền Bắc, Trung và Nam, Tổng Hội Phật giáo Việt Nam đã được thành lập, nhằm thống nhất các tổ chức Phật giáo trên cả nước. Mai Thọ Truyền, với tư cách là cư sỹ và lãnh đạo của Hội Phật học Nam Kỳ, đã có đóng góp quan trọng trong việc thúc đẩy sự thành lập này. Hội Phật học Nam Kỳ dưới sự lãnh đạo và đóng góp của Ông Mai Thọ Truyền đã trở thành một trong những thành viên sáng lập của Tổng Hội Phật giáo Việt Nam. Ông cùng với các lãnh đạo Phật giáo khác như Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, Thượng tọa Thích Mật Nguyện và nhiều cư sỹ, tu

sỹ khác đã chung tay xây dựng một tổ chức đại diện cho toàn bộ Phật giáo Việt Nam, bảo vệ và phát triển Phật giáo trong bối cảnh đất nước đang trải qua nhiều biến động xã hội và chính trị. Sau khi Tổng Hội Phật giáo Việt Nam được thành lập, Mai Thọ Truyền tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển Phật giáo tại miền Nam. Ông đã tham gia tích cực vào các hoạt động của Tổng Hội, đồng thời tiếp tục giảng dạy và truyền bá Phật pháp thông qua các hoạt động giáo dục và từ thiện xã hội. Ông sáng lập và lãnh đạo chùa Xá Lợi tại Sài Gòn, nơi sau này trở thành một trong những trung tâm Phật giáo lớn của miền Nam. Chùa Xá Lợi không chỉ là nơi thờ tự mà còn là nơi diễn ra nhiều hoạt động Phật giáo quan trọng, giúp phát triển cộng đồng Phật tử và lan tỏa giáo lý Phật giáo. (Nguyễn Lang 2004).

31. Cư sĩ Tống Hồ Cầm (1918-2022): Tham gia tích cực vào các hoạt động của Hội Phật học Nam Kỳ, một trong ba tổ chức tiền thân quan trọng của Tổng Hội Phật giáo Việt Nam. Ông cùng với các lãnh đạo Phật giáo và cư sỹ như Mai Thọ Truyền, Lê Đình Thám và Thích Tịnh Khiết đóng góp lớn vào quá trình tạo dựng nền tảng tư tưởng, tài chính và tổ chức để thành lập Tổng Hội Phật giáo Việt Nam. Ông Tống Hồ Cầm là một trong những cư sỹ đóng góp tích cực vào quá trình chuẩn bị và tham gia hội nghị thành lập Tổng Hội. Ông đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối các thành viên của Hội Phật học Nam Kỳ với các hội đoàn Phật giáo từ miền Trung và miền Bắc. Ngoài ra, ông còn hỗ trợ tài chính và hậu cần cho các hoạt động chuẩn bị hội nghị. Sự tham gia của ông cùng các cư sỹ và tu sỹ khác đã giúp cho quá trình thành lập Tổng Hội diễn ra suôn sẻ, tạo điều kiện cho việc thống nhất Phật giáo trên cả nước.

32. Nhạc sĩ Lê Cao Phan (1915-2016): Mặc dù không trực tiếp tham gia vào quá trình thành lập Tổng Hội Phật giáo Việt Nam, nhạc sĩ Lê Cao Phan đã góp phần cổ vũ cho sự phát triển của Phật giáo qua âm nhạc và các hoạt động văn hóa tôn giáo. Sự ra đời của Tổng Hội Phật giáo Việt Nam vào năm 1951 đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong sự phát triển của Phật giáo trên toàn quốc, và bài hát *“Phật giáo Việt Nam”* của Lê Cao Phan, sáng tác sau đó, đã trở thành một phần không thể thiếu của các hoạt động Phật giáo sau khi Tổng Hội được thành lập. Sự phát triển và thống nhất Phật giáo sau khi Tổng Hội ra đời đã góp phần vào việc lan tỏa tinh thần Phật giáo trong quần chúng, và nhạc sĩ Lê Cao Phan đã sử dụng tài năng âm nhạc của mình để tiếp tục củng cố tinh thần ấy. Những tác phẩm của ông, đặc biệt là "*Phật giáo Việt Nam*", không chỉ đơn thuần là âm nhạc mà còn là một phần quan trọng của đời sống tôn giáo và tinh thần của cộng đồng Phật tử. Bài hát được sáng tác vào thập niên 1950, trong bối cảnh phong trào chấn hưng Phật giáo và thống nhất Phật giáo đang phát triển mạnh mẽ, đặc biệt sau khi Tổng Hội Phật giáo Việt Nam ra đời. Ca khúc này đã trở thành "quốc ca" của Phật giáo Việt Nam và được sử dụng rộng

rãi trong các nghi lễ, đại hội, và các sự kiện lớn của Phật giáo trên toàn quốc.

Kết luận

Quá trình hình thành **Tổng Hội Phật giáo Việt Nam** năm 1951 đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, khi Phật giáo chính thức có một tổ chức đại diện thống nhất trên toàn quốc. Sự ra đời của Tổng Hội là kết quả của những nỗ lực không ngừng của nhiều cá nhân và tổ chức Phật giáo tại ba miền Bắc, Trung, và Nam, trong bối cảnh xã hội có nhiều biến động do tác động từ chính quyền thực dân và các yếu tố nội tại của tôn giáo.

Sự phân tán giữa các hội đoàn Phật giáo trước năm 1951 là một trong những nguyên nhân làm suy yếu khả năng bảo vệ quyền lợi và phát triển Phật giáo. Chính vì vậy, việc thống nhất Phật giáo thông qua một tổ chức chung đã trở thành một yêu cầu cấp thiết. Tổng Hội Phật giáo Việt Nam không chỉ đơn thuần là sự hợp nhất về mặt tổ chức, mà còn thể hiện tinh thần đoàn kết giữa các hệ phái Phật giáo khác nhau. Từ đây, Phật giáo có một tiếng nói chung mạnh mẽ hơn, đủ sức bảo vệ quyền lợi của mình và thúc đẩy sự phát triển của tôn giáo trong cộng đồng. Quá trình dẫn đến sự ra đời của Tổng Hội là một chặng đường dài, được xây dựng trên những nỗ lực cải cách và chấn hưng Phật giáo trong suốt nửa đầu thế kỷ 20. Các hội đoàn Phật giáo tại ba miền đã có những bước tiến quan trọng trong việc cải thiện chất lượng giáo dục Phật giáo, đào tạo tăng ni và phổ biến giáo lý đến đông đảo quần chúng.

Điều này không chỉ giúp củng cố nền tảng đạo pháp mà còn mở rộng sự ảnh hưởng của Phật giáo đến tầng lớp trí thức và giới trẻ trong xã hội. Bên cạnh đó, các hội đoàn Phật giáo còn đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng cơ sở vật chất, khôi phục chùa chiền và tổ chức các hoạt động từ thiện, giúp Phật giáo có chỗ đứng vững chắc trong đời sống xã hội. Sự thành lập Tổng Hội Phật giáo Việt Nam cũng là một minh chứng cho sự trưởng thành của Phật giáo Việt Nam, từ chỗ phân tán, yếu thế trở thành một tôn giáo có sức mạnh tổ chức và khả năng đối thoại với chính quyền. Tổng Hội không chỉ giúp thống nhất các hoạt động Phật giáo trên toàn quốc mà còn tạo điều kiện cho Phật giáo tham gia vào các hoạt động xã hội, từ thiện, văn hóa và giáo dục, góp phần nâng cao vị thế của Phật giáo trong xã hội Việt Nam. Đây cũng là tiền đề để Phật giáo Việt Nam có thể đối mặt với những thử thách lớn trong các giai đoạn lịch sử tiếp theo, đặc biệt là trong thời kỳ kháng chiến và xây dựng đất nước. Tổng Hội Phật giáo Việt Nam không chỉ là sản phẩm của một giai đoạn lịch sử nhất định mà còn là thành quả của những nỗ lực kiên trì và tâm huyết của nhiều thế hệ Phật tử, tu sĩ và cư sĩ. Việc thống nhất Phật giáo không chỉ mang tính chất tổ chức mà còn tạo ra một sức mạnh tinh thần, giúp Phật giáo tiếp tục phát triển và

đóng góp cho sự ổn định và hòa bình của xã hội Việt Nam. Những bài học từ quá trình hình thành Tổng Hội vẫn còn nguyên giá trị, đặc biệt là trong việc khẳng định tinh thần đoàn kết và khả năng tự cường của Phật giáo Việt Nam trong mọi hoàn cảnh.

Tác giả**: Chánh Tâm Hạnh**

NCS khóa 3, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Tp.HCM

Tài liệu tham khảo

1. Brocheux, P., & Hémery, D. (2009). *Indochina: An ambiguous colonization, 1858-1954*. University of California Press.

2. Cadière, L. (1904). *Religious life in Annam: Buddhism and Annamite Cults*. Journal of the Royal Asiatic Society of Great Britain and Ireland.

3. Đoàn, M. (2015). *Sự phát triển của Phật giáo Việt Nam đầu thế kỷ 20*. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.

4. Lê, A. (2015). *Lịch sử Phật giáo Việt Nam từ khởi nguyên đến nay*. Nhà xuất bản Văn hóa.

5. Li, T. (1998). *Religion and colonialism in French Indochina*. Oxford University Press.

6. Marr, D. (1981). *Vietnamese anticolonialism, 1885-1925*. University of California Press.

7. Nguyễn Lang. (1992). *Việt Nam Phật giáo sử luận*. Nhà xuất bản Văn học.

8. Woodside, A. (1971). *Vietnam and the Chinese model: A comparative study of Nguyen and Ch'ing civil government in the first half of the nineteenth century* . Harvard University Press.

9. Nguyễn, B., & Phạm, C. (2004). *Phong trào Phật giáo thống nhất tại Việt Nam: Tư tưởng và sự phát triển*. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.

10. Phạm, E. (2007). *Tổng Hội Phật giáo Việt Nam và sự phát triển của Phật giáo trong xã hội hiện đại*. Nhà xuất bản Tôn giáo.

11. Trần, D. (2001). *Các nhân vật tiêu biểu trong phong trào Phật giáo Việt Nam* . Nhà xuất bản Đại học Quốc gia.

12. Woodside, A. (1971). *Vietnam and the Chinese model: A comparative study of Nguyen and Ch'ing civil government in the first half of the nineteenth century*

. Harvard University Press.